

Số: 54 /2013/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế
của Kho bạc Nhà nước**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về cơ chế quản lý tài chính và
biên chế của Kho bạc Nhà nước*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế áp dụng đối với hệ thống Kho bạc Nhà nước (KBNN) thuộc Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng:

KBNN; KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; KBNN quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các đơn vị sự nghiệp thuộc KBNN.

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu

1. Thực hiện tốt các chức năng: Quản lý quỹ ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính và các quỹ khác của Nhà nước; quản lý ngân quỹ và quản lý nợ Chính phủ; Tổng kế toán Nhà nước; huy động vốn cho ngân sách nhà nước; quản lý tài sản quốc gia quý hiếm.

2. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ quản lý theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ, tăng cường năng lực, hiệu quả và tính công khai, minh bạch trong quản lý các nguồn lực tài chính của Nhà nước.

3. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với hoạt động KBNN; thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, có trình độ chuyên môn cao; trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho thủ trưởng đơn vị trong tổ chức công việc, sử dụng lao động và sử dụng các nguồn lực tài chính.

4. Chủ động sử dụng nguồn kinh phí được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung đầu tư thực hiện chiến lược phát triển KBNN; bảo đảm xây dựng kho tàng, trụ sở giao dịch an toàn, hiện đại; bảo đảm hệ thống công nghệ thông tin, trang bị kỹ thuật hiện đại để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và hiện đại hóa công nghệ quản lý nhằm thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ nhà nước giao, đủ điều kiện hội nhập quốc tế; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và từng bước bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức.

5. Thực hiện công khai dân chủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức KBNN.

Điều 3. Về biên chế

1. Biên chế và lao động của hệ thống Kho bạc Nhà nước từ năm 2014 ổn định theo chỉ tiêu biên chế và lao động đã được cấp thẩm quyền giao đến ngày 31 tháng 5 năm 2013. Kho bạc Nhà nước từng bước tổ chức định biên trên cơ sở xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ giao thêm nhiệm vụ mới hoặc Nhà nước có quyết định chia tách địa giới hành chính, phải thành lập bổ sung KBNN cấp tỉnh, cấp huyện, Bộ Tài chính thống nhất với Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung biên chế cho KBNN.

3. Ngoài số biên chế và lao động được giao, KBNN được hợp đồng thuê khoán công việc và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động

Nguồn kinh phí hoạt động hàng năm của KBNN, gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp bảo đảm chỉ một lần tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ Nhà nước quy định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế và lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao.

2. Các nguồn kinh phí khác được ngân sách nhà nước giao theo quy định của pháp luật gồm:

a) Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án theo quy định của Nhà nước;

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát hành, thanh toán công trái, trái phiếu, tín phiếu;

c) Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định;

d) Các nguồn vay nợ, viện trợ và nguồn kinh phí khác được cơ quan có thẩm quyền giao;

3. Toàn bộ nguồn thu từ hoạt động nghiệp vụ của KBNN theo quy định của Nhà nước, gồm:

a) Thu phát sinh trong hoạt động thanh toán, chuyển tiền; hoạt động bảo quản, kiểm định, cất trữ vàng bạc đá quý, ngoại tệ, các chứng chỉ có giá;

b) Chênh lệch thu từ lãi, phí tiền gửi với các khoản phí phải thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng thương mại;

c) Thu từ nghiệp vụ ứng vốn theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Chênh lệch thu chi từ bán án chỉ cho khách hàng, các khoản phí dịch vụ thu hộ tiền điện, tiền nước, điện thoại;...

d) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 5. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên:

a) Chi thanh toán cá nhân: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn); tiền khen thưởng thành tích theo danh hiệu thi đua và các khoản thanh toán khác cho cá nhân;

b) Chi quản lý hành chính: Chi thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin tuyên truyền, liên lạc; hội nghị; chi công tác phí; chi thuê mướn; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định và các khoản chi hành chính khác;

c) Chi hoạt động nghiệp vụ: Mua sắm vật tư, hàng hóa dùng cho chuyên môn, nghiệp vụ; thiết bị an toàn kho quỹ, thiết bị kiểm đếm; ấn chỉ các loại; trang phục, bảo hộ lao động; các khoản nghiệp vụ kiểm đếm, đào kho, điều chuyển, bảo vệ an toàn kho, tiền, vàng bạc, đá quý, ngoại tệ và các chứng chỉ có giá; bảo quản, lưu trữ tài liệu, chứng từ; các khoản nghiệp vụ khác;

d) Chi phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ;

đ) Chi đoàn đi công tác nước ngoài; chi đón, tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam; chi tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam;

e) Chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ công chức trong hệ thống KBNN;

g) Chi bảo đảm hoạt động của tổ chức đảng theo quyết định của Ban bí thư Trung ương Đảng; chi chế độ đối với cán bộ tự vệ; chi đảm bảo hoạt động của các đoàn thể theo quy định của pháp luật hiện hành;

h) Các khoản chi có tính chất thường xuyên khác.

2. Chi đầu tư phát triển, hiện đại hóa KBNN:

a) Chi đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất; xây dựng kho tàng, trụ sở làm việc và giao dịch; mua sắm các trang thiết bị chuyên dùng; sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ;

b) Chi duy trì và phát triển, hiện đại hóa công nghệ thông tin;

c) Chi nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức theo chương trình, kế hoạch của hệ thống KBNN;

d) Chi bù đắp thiệt hại về tiền, tài sản trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, rủi ro theo quy định của pháp luật;

đ) Chi thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị, đầu tư xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các nội dung khác theo nhiệm vụ chung của toàn ngành tài chính, trong đó có phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của hệ thống KBNN;

e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tiêu chuẩn định mức chế độ chi tiêu

1. Các nội dung chi thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, ban hành định mức chi nghiệp vụ KBNN trên cơ sở vận dụng các tiêu chuẩn, mức chi quy định hiện hành, phù hợp tình hình cụ thể và khả năng nguồn kinh phí.

2. Mức chi tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bình quân toàn hệ thống KBNN áp dụng không vượt quá 1,8 lần và chi bổ sung thu nhập từ kinh phí tăng thu tiết kiệm chi không vượt quá 0,2 lần so với mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định; tiền lương tăng thêm và bổ sung thu nhập không bao gồm phụ cấp công vụ, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ. Mức chi tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức của KBNN được điều chỉnh phù hợp với lộ trình cải cách chính sách tiền lương của Nhà nước và chấm dứt khi thực hiện chế độ tiền lương mới.

Việc phân phối tiền lương, tiền công theo kết quả chất lượng hoàn thành công việc của từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo nguyên tắc công bằng hợp lý, gắn tiền lương với hiệu quả công việc, đồng thời phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 7. Quản lý nguồn kinh phí hoạt động của KBNN

1. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí của KBNN thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Hàng năm, khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hệ thống KBNN được tổng hợp trong kinh phí của Bộ Tài chính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

2. Cơ cấu chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, hiện đại hóa KBNN phải đảm bảo chi thường xuyên tối đa không quá 70% dự toán được giao. Kinh phí chi đầu tư phát triển được quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. KBNN chủ động sử dụng nguồn kinh phí phù hợp với nhu cầu thực tế và trong phạm vi số kinh phí được giao.

4. Khi Nhà nước thay đổi chính sách, chế độ, KBNN tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới. Trường hợp do các yếu tố khách quan dẫn đến nguồn thu hoạt động nghiệp vụ không đảm bảo duy trì hoạt động của bộ máy thì KBNN đề xuất phương án, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

5. Kinh phí cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng, riêng nguồn kinh phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Sử dụng kinh phí tăng thu tiết kiệm chi

Hàng năm, số kinh phí tiết kiệm được từ chi thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này và chênh lệch kết quả thu hoạt động nghiệp vụ của KBNN quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao, KBNN được sử dụng cho các nội dung sau:

1. Trích tối thiểu 25% lập Quỹ Phát triển hoạt động ngành đề: Thực hiện chiến lược phát triển KBNN; đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng kho tàng, trụ sở giao dịch; mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; ứng dụng công nghệ thông tin và các nhiệm vụ khác có liên quan của hệ thống KBNN.

2. Trích Quỹ dự phòng ổn định thu nhập đề: Chi đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức hệ thống KBNN do những nguyên nhân khách quan làm giảm thu nhập; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức hệ thống KBNN gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo; hỗ trợ cán bộ nghỉ hưu và các trường hợp đặc biệt khác. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể mức trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

3. Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Tối đa 03 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập thực tế thực hiện trong năm.

4. Chi ăn trưa cho cán bộ, công chức, viên chức hàng tháng tối đa bằng mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

5. Chi khen thưởng, phối hợp công tác đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài hệ thống KBNN có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ của KBNN các cấp.

6. Trợ cấp thêm ngoài chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại lao động; chi hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; chi hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc hệ thống KBNN.

7. Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức bình quân toàn hệ thống KBNN tối đa 0,2 lần mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các loại phụ cấp trừ phụ cấp công vụ, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ).

Điều 9. Kinh phí bảo đảm hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp

Các đơn vị sự nghiệp thuộc KBNN được bảo đảm kinh phí hoạt động từ nguồn kinh phí hoạt động hàng năm của KBNN quy định tại Điều 4 của Quyết định này; được áp dụng chế độ chi tiêu theo quy định tại Quyết định này và thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Cơ chế quản lý tài chính và biên chế của KBNN quy định tại Quyết định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Trường hợp Nhà nước có thay đổi chính sách về biên chế, tài chính làm ảnh hưởng lớn tới hoạt động của KBNN, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định này. Chỉ đạo KBNN tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ đánh giá tình hình thực hiện; kiểm tra việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của KBNN bảo đảm đúng mục tiêu, yêu cầu.

3. Kinh phí hoạt động năm 2013 giao cho KBNN (bao gồm cả các quỹ) còn dư chưa sử dụng, được chuyển sang năm 2014 tiếp tục sử dụng theo nội dung quy định tại Quyết định này.

4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Các Bộ trưởng: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg;
- Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b). 

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1512/SY-UBND

Bình Định, ngày 27 tháng 9 năm 2013

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TC, NV, KH&ĐT;
- CVP, K17;
- Lưu: VT (09b).



Trương Thanh Kết